

Số: 214/2024/QĐST-HNGĐ

C, ngày 09 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Trương Văn Đ**, sinh năm 1989 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: **Số A đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 2012, có đăng ký tại **UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế** và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68, Quyền số 01.2012 ngày 23 tháng 5 năm 2012. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** chung sống tại **số A đường D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.**

Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay, ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Trương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Trương Bích P, sinh ngày 01/8/2012 và Trương Gia Đ2, sinh ngày 05/7/2014. Sau khi ly hôn, ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận:

Bà Nguyễn Thị T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trương Bích P. Ông Trương Văn Đ nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trương Gia Đ2. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn số 68, Quyển số 01.2012 ngày 23 tháng 5 năm 2012 của UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế*)

- Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị T như sau:

Bà Nguyễn Thị T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trương Bích P, sinh ngày 01/8/2012. Ông Trương Văn Đ nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trương

Gia Đ2, sinh ngày 05/7/2014. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001745 ngày 23/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông **Trương Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- UBND xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai

